

Bản án số: 57/2018/DS-PT

Ngày: 15/01/2018

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Đức Hạnh

Các thẩm phán: Bà Trịnh Thị Ánh
Ông Lê Ngọc Tường

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Ánh Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Đỗ Văn Hiếu - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 và 15/01/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 623/2017/DSPT ngày 09 tháng 11 năm 2017, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 638/2017/DS-ST ngày 29/9/2017 của Toà án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo;

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2847/2017/QĐ-PT ngày 15/12/2017 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Sái Thị S (có mặt)

Địa chỉ: 47 T, khu phố B2, phường T, quận MH, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Nhật T (thuộc Văn phòng luật sư P, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh). (có mặt)

Địa chỉ: 16/47 N, phường H, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bị đơn: Ông Nguyễn Bá T1 (Có mặt)

Địa chỉ: 127/10A G, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1993 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: 47 T, khu phố B2, phường T, quận MH, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Bà Hoàng Thị V, sinh năm 1974 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: 127/10A G, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

4/ *Người kháng cáo*: Nguyên đơn Bà Sái Thị S và bị đơn ông Nguyễn Bá T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 14/12/2016 và ngày 06/3/2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Bà Sái Thị S trình bày:

Ngày 30/10/2015 ông Nguyễn Bá T1 viết giấy xác nhận vay của bà số tiền 1.200.000.000 đồng. Ông T1 sử dụng số tiền vay của bà để mua 3 chiếc xe tải. Số tiền Ông T1 vay không đủ nên ông vay thêm tiền của Ngân hàng, ông nhờ bà và con trai bà là ông Nguyễn Văn T2 đứng ra vay tiền Ngân hàng giúp ông, gốc và lãi ông tự trả. Đồng thời nhờ bà và con trai bà đứng tên 03 chiếc xe tải, sau đó bà và Ông T1 thỏa thuận khi Ông T1 trả hết tiền vay Ngân hàng cũng như số tiền 1.200.000.000 đồng (một tỷ hai trăm triệu đồng) mượn của bà thì bà sẽ sang tên hoặc ủy quyền lại 3 chiếc xe tải lại cho Ông T1. Cụ thể xe tải biển số 51C – 66641 bà đứng tên; xe tải biển số 60C – 07889 bà đứng tên; xe tải biển số 51C - 65604 con bà là Nguyễn Văn T2 đứng tên. Thực tế Ông T1 là người quản lý và sử dụng 3 chiếc xe này.

Tổng số tiền bà và con trai bà là Nguyễn Văn T2 đứng ra vay Ngân hàng là 1.150.000.000 đồng (một tỷ một trăm năm mươi triệu đồng). Ông T1 chỉ trả Ngân hàng tiền gốc và lãi được một thời gian, sau đó không có khả năng trả tiếp nên các Ngân hàng đã liên tục yêu cầu bà trả tiền gốc và lãi vay. Ông T1 và bà đã thống nhất bán 03 chiếc xe tải trên để thanh toán cho các Ngân hàng mà bà và con bà là anh Trọng đã đứng tên dùm. Số tiền bán 03 chiếc xe này sau khi thanh toán gốc và lãi cho 02 Ngân hàng trên còn dư lại 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), bà đang tạm giữ và số tiền Ông T1 vay nợ của bà là 1.200.000.000 đồng (một tỷ hai trăm triệu đồng). Ông T1 chưa trả cho bà, bà đồng ý cán trừ số tiền còn dư trên. Như vậy Ông T1 còn nợ 1.100.000.000 (một tỷ một trăm triệu) đồng. Trước đó Ông T1 có trả tiền lãi hàng tháng, sau đó không trả nữa, còn tiền gốc thì chưa trả đồng nào.

Bà xác nhận có hai hợp đồng vay tiền, có cùng nội dung, cùng ngày giờ, số tiền giống nhau. Trên hai hợp đồng có chữ ký và chữ viết của bà.

Nay bà yêu cầu ông Nguyễn Bá T1 và bà Hoàng Thị V cùng liên đới trả số tiền 1.100.000.000 (một tỷ một trăm triệu đồng) (do cán trừ số tiền 100.000.000 đồng do bán xe trả Ngân hàng còn dư) và lãi tạm tính đến tháng 02/2017 là 552.350.000 (năm trăm năm mươi hai triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng). Tổng số tiền Ông T1 phải trả là 1.652.350.000 (một tỷ sáu trăm năm mươi hai triệu ba trăm năm mươi ngàn) đồng.

Luật sư Nguyễn Nhật T – người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà S đề nghị Tòa án buộc Ông T1 trả số tiền trên cho bà S.

Ông Nguyễn Bá T1 là bị đơn trình bày:

Ngày 30/10/2015 ông xác nhận có mượn tiền của Bà Sái Thị S với số tiền 1.200.000.000 đồng để mua ba chiếc xe ô tô tải và bà S ra điều kiện bà phải đứng tên 03 chiếc xe, với lãi suất 4%/01 tháng.

Do ông không có tiền nên mua xe trả góp, ông nhờ bà S đứng tên chiếc xe mang biển số 51C – 66641 (mười lăm tấn) thế chấp ngân hàng T. Ông T1 nhờ con bà là ông Nguyễn Văn T2 đứng tên chiếc xe mang biển số 51C – 65604 (hai tấn), thế chấp Ngân hàng Sacombank. Hàng tháng ông trả lãi và gốc cho Ngân hàng. Thỉnh thoảng ông có đóng trễ hai, ba ngày tiền lãi cho Ngân hàng.

Bên cạnh đó do bà S không làm khẩu hiệu cho xe biển số 51C – 66641 (mười lăm tấn) nên ông không đóng tiền lời của số tiền 1.200.000.000 (một tỷ hai trăm triệu đồng) cho bà S nữa. Còn Ngân hàng ông vẫn đóng tiền bình thường, thỉnh thoảng đóng trễ 1, 2 ngày nên Ngân hàng đòi bà S. Từ những lý do trên bà S mới yêu cầu ông trả lại 03 chiếc xe. Sau đó ông đã giao lại xe, có lập biên bản giao nhận nhưng không thỏa thuận gì, bà tự đi bán mà ông không biết. Bà tự trả tiền Ngân hàng xong và chỉ điện thoại báo ông.

Ngoài ra ông cho biết hàng tháng ông đã trả lãi cho bà S (mỗi tháng trả 48.000.000 đồng) có ký nhận tiền. Ông không nhớ rõ trả đến tháng nào thì không trả nữa.

Việc vay nợ trên vợ ông là bà Hoàng Thị V không biết, một mình ông vay để làm ăn riêng, không liên quan gì đến bà V.

Ông xác nhận có hai hợp đồng vay tiền có cùng nội dung, cùng ngày giờ, cùng số tiền, trên hai hợp đồng có chữ ký và chữ viết của ông.

Nay ông đồng ý cản trừ số tiền bán xe 100.000.000 (một trăm triệu đồng). Đồng ý trả số tiền 1.100.000.000 (một tỷ một trăm triệu đồng) nhưng với điều kiện bà S phải trả lại 03 chiếc xe tải lại cho ông. Còn về phần lãi ông chỉ đồng ý trả lãi đến ngày 15/11/2016.

Bà Hoàng Thị V là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt, bà V có nộp cho Tòa bản tự khai với nội dung như sau :

Bà là vợ của ông Nguyễn Bá T1, việc Ông T1 vay tiền của bà S, Ông T1 không nói cho bà biết, giữa Ông T1 và bà S có diễn ra vay mượn tiền như thế nào bà không biết, không chứng kiến cũng như không liên quan gì. Việc bà S đòi tiền Ông T1 bà không có ý kiến gì.

Ông Nguyễn Văn T2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin yêu cầu vắng mặt đã trình bày trong bản tự khai như sau: Lời khai của ông giống như lời khai của bà S, ông xác nhận số tiền Ông T1 vay của

mẹ ông là 1.200.000.000 (một tỷ hai trăm triệu đồng). Đúng tên xe dùm Ông T1 đúng như bà S trình bày.

* Tại bản án dân sự sơ thẩm số 638/2017/DS-ST ngày 29/9/2017 của Toà án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Sái Thị S.

Buộc ông Nguyễn Bá T1 có trách nhiệm trả cho bà Sái Thị S số tiền 1.119.600.000. Trong đó tiền nợ gốc là 1.100.000.000 đồng, tiền lãi là 19.600.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 30/10/2015.

Hủy bỏ giấy mượn tiền ngày 30/10/2015.

Không chấp nhận yêu cầu buộc bà Hoàng Thị V liên đới trả số tiền trên cho Bà Sái Thị S.

Không chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn về việc tính lãi với số tiền 189.350.000 (một trăm tám mươi chín triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng).

Các bên thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền. Kể từ ngày bà S có đơn yêu cầu thi hành án nếu Ông T1 không trả tiền như bản án đã tuyên thì hàng tháng Ông T1 còn phải trả thêm cho bà S số tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

- Ngày 13/10/2017, bị đơn ông Nguyễn Bá T1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; nguyên đơn Bà Sái Thị S kháng cáo đề nghị xem xét lại phần lãi suất mà bản án sơ thẩm đã tuyên.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Người khởi kiện không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút đơn kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Nguyên đơn Bà Sái Thị S nêu yêu cầu kháng cáo: do Ông T1 không yêu cầu xem xét lại tiền lãi đã trả nên đề nghị sửa phần này. Bà yêu cầu bị đơn trả cho bà ½ lãi suất của tháng 3/2016 theo thỏa thuận là 24.350.000 đồng và tiền lãi từ tháng 4/2016 đến khi xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tại trang 4 của bản án sơ thẩm nêu bà yêu cầu tính lãi từ tháng 11/2016 đến tháng 8/2017 là không đúng theo ý chí của bà, thực tế bà yêu cầu khoản tiền 1.100.000.000 đồng được tính với lãi 1.125%/tháng và tính lãi đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

- Bị đơn ông Nguyễn Bá T1 trình bày: ông đồng ý trả nợ 1.100.000.000 đồng cho bà Sái và không đồng ý trả lãi từ sau ngày 15/11/2016 vì thời điểm này ông không còn quản lý 3 xe tải nữa.

- Luật sư Nguyễn Nhật T đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm .

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm, tính lại số tiền lãi bị đơn phải trả.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

- Về tố tụng:

Do người liên quan ông Nguyễn Văn T2 và bà Hoàng Thị V có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử vắng mặt ông T2 và bà V theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: các bên đương sự thống nhất về các vấn đề sau: nợ gốc đến ngày 15/11/2016 (ngày nguyên đơn nhận xe) là 1.100.000.000 đồng và tiền lãi bị đơn đã trả đến 15/3/2016 nên Hội đồng xét xử không xem xét đến các vấn đề trên.

Xét kháng cáo của nguyên đơn về lãi đã nhận và đề nghị không xem xét lại, Hội đồng xét xử nhận thấy tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn không có ý kiến tranh chấp và đề nghị xem xét lại tiền lãi đương sự đã trả nên sửa án sơ thẩm chỉ buộc bị đơn thanh toán tiền lãi cho nguyên đơn từ 15/3/2016 cho đến hết tháng 8/2017 được áp dụng theo Điều 476 Bộ luật dân sự 2005 và Quyết định số 2868/QĐ-NHNN của Ngân hàng nhà nước ngày 29/11/2010, cụ thể áp dụng lãi suất 1,125%/tháng.

Từ ngày 15/3/2016 đến 15/11/2016: nợ gốc 1.200.000.000 đồng nên số lãi phải trả là:

$1.200.000.000 \text{ đồng} \times 1,125\%/\text{tháng} \times 9 \text{ tháng} = 121.500.000 \text{ đồng}.$

Từ ngày 15/11/2016 đến 15/9/2017 (tháng xét xử sơ thẩm): nợ gốc 1.100.000.000 đồng nên số lãi phải trả là:

$1.100.000.000 \text{ đồng} \times 1,125\%/\text{tháng} \times 10 \text{ tháng} = 123.750.000 \text{ đồng}.$

Tổng cộng Ông T1 phải thanh toán tiền lãi cho nguyên đơn là 245.250.000 đồng.

Xét kháng cáo của bị đơn Nguyễn Bá T1 cho rằng ông chỉ thanh toán số nợ là 1.100.000.000 đồng nếu được nhận lại 3 xe tải, Hội đồng xét xử nhận thấy tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn không xuất trình được chứng cứ

nào khác để chứng minh cho yêu cầu trên nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn vì không có căn cứ.

Bị đơn đề nghị không phải trả lãi sau ngày 15/11/2016, yêu cầu của bị đơn là gây thiệt hại tới quyền lợi chính đáng của nguyên đơn nên không được chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: do nguyên đơn yêu cầu tính lãi ½ tháng 3 với số tiền 24.350.000 đồng nhưng Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận 6.750.000 đồng (1.125%/tháng) nên nguyên đơn phải chịu là 880.000 đồng, bị đơn phải chịu án phí 52.357.500 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm không ai phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;
- Áp dụng khoản 1 Điều 148; Điều 273, Điều 277 và Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005
- Áp dụng Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội
- Áp dụng Điều 6, 7, 9, 30 của Luật Thi hành án dân sự

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn và không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

2/ Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 638/2017/DS-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, giữa nguyên đơn – Bà Sái Thị S với bị đơn – Ông Nguyễn Bá T1.

Buộc ông Nguyễn Bá T1 phải trả cho Bà Sái Thị S 1.100.000.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi là 245.250.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3/ Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Bá T1 phải chịu 52.357.500 đồng. Nộp tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Bà Sái Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 880.000 đồng. Số tiền trên được trừ vào số tiền là 24.000.000 đồng (hai mươi bốn triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001695 ngày 19/12/2016 và 13.047.000 đồng (mười ba triệu không trăm bốn mươi bảy ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002377 ngày 31/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy Bà Sái Thị S còn được nhận lại 36.167.000 đồng.

4/ Án phí dân sự phúc thẩm: không ai phải chịu. Hoàn lại cho Bà Sái Thị S 300.000 đồng theo Biên lai tạm ứng án phí số 0001348 ngày 23/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; trả lại cho ông Nguyễn Bá T1 300.000 đồng theo Biên lai tạm ứng án phí số 0001347 ngày 20/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Thị Ánh

Uông Văn Tuấn

Nguyễn Đức Hạnh